TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 38 /2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bố Trạch, ngày 18 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 3 năm 2020, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh M;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh M và chị N thỏa thuận thống nhất giao con là Nguyễn Anh T, sinh ngày 24/02/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M và chị N thỏa thuận thống nhất anh M phải đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ(hai triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, kể từ tháng 3/2020.

Cấm chị N và anh M ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

* Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000đ(một trăm năm mươi ngàn đồng) chị N thỏa thuận, tự nguyện nộp; án phí cấp dưỡng nuôi con anh M phải chịu 150.000(một trăm năm mươi ngàn đồng), chị N tự nguyện thỏa thuận nhất trí nộp thay anh M số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai số 0003390 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị N và anh M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện BốTrạch(2 bản);
- Anh Nguyễn Thanh M;
- Chị Nguyễn Thị N;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bố Trạch;
-UBND xã T(để biết);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân